

Số: 25/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
về quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy
định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 77/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy
định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn*

ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Xét Tờ trình số 1474/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng (lần 2) như sau:

1. Điều chỉnh giảm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND do điều chỉnh giảm 212.900 triệu đồng vốn từ nguồn thu hợp pháp khác (các nguồn vốn khác không thay đổi mức vốn so với mức vốn tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND).

Sau điều chỉnh, tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng giảm từ 10.929.483 triệu đồng còn 10.716.583 triệu đồng. Trong đó:

1.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương: 5.478.900 triệu đồng, bao gồm:

- Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 4.351.700 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.000.000 triệu đồng.

- Xổ số kiến thiết: 75.000 triệu đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương: 52.200 triệu đồng.

1.2. Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (bao gồm tăng thu từ sử dụng đất): 3.433.488 triệu đồng.

1.3. Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh: 1.425.483 triệu đồng.

1.4. Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác: 49.100 triệu đồng.

1.5. Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ: 204.912 triệu đồng.

1.6. Vốn dự phòng ngân sách Trung ương: 124.700 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh phân vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết, cụ thể như sau:

2.1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:

- Điều chỉnh giảm 127.600,804 triệu đồng vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bố trí) chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (*tính bố trí*) chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 141.100,804 triệu đồng còn 13.500 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

- Điều chỉnh giảm 127.301 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 200.000 triệu đồng còn 72.699 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

- Điều chỉnh giảm 20.447,785 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 20.447,785 triệu đồng còn 0 triệu đồng; đảm bảo thực hiện phân bổ chi tiết toàn bộ số vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết giai đoạn 2021 - 2025.

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

2.2. Tăng thu ngân sách địa phương

- Điều chỉnh giảm 507.133,733 triệu đồng vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này.

Sau điều chỉnh, số vốn tăng thu ngân sách địa phương chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 1.897.686,537 triệu đồng còn 1.390.552,804 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 05 kèm theo)

2.3. Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác

- Điều chỉnh giảm 49.100 triệu đồng vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác chưa đủ điều kiện phân bổ tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND để thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết này. Số vốn còn lại 212.900 triệu đồng thực hiện điều chỉnh giảm bằng 0 triệu đồng.

Sau điều chỉnh, số vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết giảm từ 262.000 triệu đồng còn 0 triệu đồng; đảm bảo phân bổ chi tiết toàn bộ số vốn từ các nguồn thu hợp pháp giai đoạn 2021 - 2025.

(Chi tiết tại biểu số 06 kèm theo)

3. Điều chỉnh phần vốn đã thực hiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 68/NQ-HĐND và Nghị quyết số 86/NQ-HĐND (Điều chỉnh phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước *tính bố trí*):

- Điều chỉnh giảm 5.000 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của dự án: Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Sau điều chỉnh, kế hoạch đầu tư công trung hạn của dự án giảm từ 15.000 triệu đồng còn 10.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng 5.000 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của dự án: Trụ sở làm việc Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa. Sau điều chỉnh, kế hoạch đầu tư công trung hạn của dự án tăng từ 5.000 triệu đồng lên 10.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại biểu số 04 kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng và Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách địa phương tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Đối với các dự án chưa đủ điều kiện giao vốn theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. / *Đh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê



Biểu số 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021	Điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	10.929.483,000	212.900,000		10.716.583,000	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	5.478.900,000			5.478.900,000	Không thực hiện điều chỉnh
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	4.351.700,000			4.351.700,000	
	Trong đó:					
	- Huyện bố trí	652.755,000			652.755,000	
	- Tỉnh bố trí	3.698.945,000			3.698.945,000	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.000.000,000			1.000.000,000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000,000			75.000,000	
4	Bộ chỉ ngân sách địa phương	52.200,000			52.200,000	
II	Nguồn tăng thu ngân sách địa phương (Bao gồm tăng thu từ sử dụng đất)	3.433.488,000			3.433.488,000	Không thực hiện điều chỉnh
III	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh	1.425.483,000			1.425.483,000	Không thực hiện điều chỉnh
IV	Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác	262.000,000	212.900,000		49.100,000	Điều chỉnh giảm bằng phần vốn 49.100 triệu đồng do Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng hỗ trợ để thực hiện GPMB của dự án: Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rủa, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
V	Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ	204.912,000			204.912,000	Không thực hiện điều chỉnh
1	Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ nguồn vay bổ sung từ trả nợ gốc năm 2021	13.800,000			13.800,000	
2	Vốn nước ngoài vay lại từ Chính phủ nguồn bộ chi và vay bổ sung từ trả nợ gốc giai đoạn 2022-2025	191.112,000			191.112,000	
VI	Dự phòng ngân sách Trung ương	124.700,000			124.700,000	Không thực hiện điều chỉnh



Biểu số 02

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH CAO BẰNG (LẦN 2)

(Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Điều chỉnh		Số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	2.651.671,126	1.044.483,322		1.607.187,804	
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	361.548,589	275.349,589		86.199,000	
1	Dầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (tính bổ tri)	141.100,804	127.600,804		13.500,000	Biểu số 04, mục A.1
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	200.000,000	127.301,000		72.699,000	Biểu số 04, mục B.1
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.447,785	20.447,785		-	Biểu số 04, mục C.1
II	Tăng thu ngân sách địa phương	1.897.686,537	507.133,733		1.390.552,804	Biểu số 05, mục A
III	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh	130.436,000			130.436,000	Không thực hiện điều chỉnh
IV	Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác	262.000,000	262.000,000		-	Biểu số 06 (Trong phần vốn 262.000 triệu đồng chưa phân bổ chi tiết tại NQ số 86/NQ-HĐND chỉ thực hiện phân bổ chi tiết 49.100 triệu đồng, bằng số vốn hỗ trợ từ Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng. Số vốn còn lại 212.900 triệu đồng thực hiện điều chỉnh giảm bằng 0 triệu đồng)



Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH CAO BẰNG (LẦN 2)

(Điều chỉnh phân vốn đã phân bổ chi tiết tại NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 và NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)	Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (Vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước tính bổ tri)	20.000,000	5.000,000	5.000,000	20.000,000	
1	Điều chỉnh số vốn đã phân bổ cho các ngành, lĩnh vực	20.000,000	5.000,000	5.000,000	20.000,000	Biểu số 04, mục A.2

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Giảm (-)	Tăng (+)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn cân đối NSDP					Vốn cân đối NSDP	Vốn cân đối NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
1	Các dự án thuộc đề án nông nghiệp thông minh				18.500,000	18.500,000				18.500,000	18.500,000	18.500,000			
1.1	Xây dựng khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng	HA	2022-2024	2700/QĐ-UBND, 31/12/2021	16.500,000	16.500,000				16.500,000	16.500,000	16.500,000			
1.2	Đầu tư phát triển nông nghiệp thông minh do Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện	HA	2022-2023	NQ số 09/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	2.000,000	2.000,000				2.000,000	2.000,000	2.000,000			
III.2	Khu công nghiệp và khu kinh tế				90.000,000	90.000,000				50.000,000	50.000,000	50.000,000			
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				90.000,000	90.000,000				50.000,000	50.000,000	50.000,000			
a	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025														
	Dự án nhóm B														
1	Đầu tư xây dựng công trình trung tâm điều hành, công và giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Chu Trinh	TPCB	2023-2026	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	90.000,000	90.000,000				50.000,000	50.000,000	50.000,000			
III.3	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				30.000,000	30.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000			
(1)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025				30.000,000	30.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000			
	Dự án nhóm C														
1	Quảng trường Phục Hòa, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	QH	2026-2028	23/NQ-HĐND, ngày 25/5/2022	13.000,000	13.000,000				500,000	500,000	500,000			
1	Hạ tầng kỹ thuật đô thị huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	QH	2026-2028	16/NQ-HĐND, ngày 25/5/2022	17.000,000	17.000,000				500,000	500,000	500,000			
IV	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									23.100,804	216.319,322	23.100,804			
1	Hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025									23.100,804	216.319,322	23.100,804			
A.2	Điều chỉnh số vốn đã phân bổ chi tiết				24.600,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	5.000,000	5.000,000	20.000,000	20.000,000			
I	Bảo vệ môi trường				10.000,000	10.000,000	15.000,000	15.000,000	5.000,000		10.000,000	10.000,000			
I.1	Môi trường				10.000,000	10.000,000	15.000,000	15.000,000	5.000,000		10.000,000	10.000,000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				10.000,000	10.000,000	15.000,000	15.000,000	5.000,000		10.000,000	10.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
1	Xử lý, nâng cấp và cải tạo bãi rác thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	TK	2022-2024	2214/QĐ-UBND 22/11/2021; NQ số 22/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	10.000,000	10.000,000	15.000,000	15.000,000	5.000,000		10.000,000	10.000,000	
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				14.600,000	10.000,000	5.000,000	5.000,000	0,000	5.000,000	10.000,000	10.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				14.600,000	10.000,000	5.000,000	5.000,000	0,000	5.000,000	10.000,000	10.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
1	Trụ sở làm việc Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hóa	PH	2021-2023	877/QĐ-UBND, 28/5/2021; 24/NQ-HĐND, 25/5/2022	14.600,000	10.000,000	5.000,000	5.000,000		5.000,000	10.000,000	10.000,000	
B	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất							200.000,000	127.301,000	127.301,000	337.556,322	200.000,000	
B.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ- HĐND ngày 10/12/2021							200.000,000	127.301,000	127.301,000	337.556,322	200.000,000	
B.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết							200.000,000	127.301,000			72.699,000	
B.1.2	Phân bổ chi tiết									127.301,000	337.556,322	127.301,000	
B.1.2.1	Bổ trí cho dự án thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng CSDL đất đai chính lý hồ sơ địa chính				63.344,000	13.500,000				13.500,000	13.500,000	13.500,000	
I	Bảo vệ môi trường				63.344,000	13.500,000				13.500,000	13.500,000	13.500,000	
I.1	Tài nguyên				63.344,000	13.500,000				13.500,000	13.500,000	13.500,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				63.344,000	13.500,000				13.500,000	13.500,000	13.500,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
1	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 08 xã, thị trấn, huyện Hòa An	HA	2022-2025	2533/QĐ-UBND, 23/12/2021	63.344,000	13.500,000				13.500,000	13.500,000	13.500,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
B.1.2.2	Bố trí cho các huyện, thành phố theo tỷ lệ để lại									107.737,000	107.737,000	107.737,000	
B.1.2.3	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									6.064,000	216.319,322	6.064,000	
1	Hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025									6.064,000	216.319,322	6.064,000	
C	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				10.000,000	10.000,000		20.447,785	20.447,785	20.447,785	226.319,322	20.447,785	
C.1	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ- HĐND ngày 10/12/2021				10.000,000	10.000,000		20.447,785	20.447,785	20.447,785	226.319,322	20.447,785	
C.1.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết							20.447,785	20.447,785				
C.1.2	Phân bổ chi tiết				10.000,000	10.000,000				20.447,785	226.319,322	20.447,785	
I	Y tế, dân số và gia đình				10.000,000	10.000,000				10.000,000	10.000,000	10.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				10.000,000	10.000,000				10.000,000	10.000,000	10.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
1	Trạm y tế xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng	HA	2023-2025	NQ số 15/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	5.000,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
2	Trạm y tế xã Thành Công, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	HA	2023-2025	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	5.000,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									10.447,785	216.319,322	10.447,785	
1	Hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025									10.447,785	216.319,322	10.447,785	

Biểu số 05

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM TĂNG THU TỪ SỬ DỤNG ĐẤT) GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu NSDP	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tăng thu NSDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
TỔNG CỘNG					289.843,000	161.343,000	1.897.686,537	1.897.686,537	507.133,733	507.133,733	2.065.799,126	1.897.686,537	
A	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021				289.843,000	161.343,000	1.897.686,537	1.897.686,537	507.133,733	507.133,733	2.065.799,126	1.897.686,537	
A.1	Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết						1.897.686,537	1.897.686,537	507.133,733		1.390.552,804	1.390.552,804	
A.2	Phân bổ chi tiết				289.843,000	161.343,000				507.133,733	675.246,322	507.133,733	
A.2.1	Bổ trí thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận xây dựng CSDL đất đai chính lý hồ sơ địa chính				63.344,000	49.844,000				49.844,000	63.344,000	49.844,000	
I	Bảo vệ môi trường				63.344,000	49.844,000				49.844,000	63.344,000	49.844,000	
I.1	Tài nguyên				63.344,000	49.844,000				49.844,000	63.344,000	49.844,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				63.344,000	49.844,000				49.844,000	63.344,000	49.844,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
1	Đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 08 xã, thị trấn, huyện Hòa An	HA	2022-2025	2533/QĐ-UBND, 23/12/2021	63.344,000	49.844,000				49.844,000	63.344,000	49.844,000	
A.2.2	Bổ trí cho các huyện, thành phố theo tỷ lệ để lại									221.084,000	221.084,000	221.084,000	
A.2.3	Xây dựng nông thôn mới									3.000,000	3.000,000	3.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025												
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
	Dự án nhóm C												
1	Trường THCS Minh Thanh, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	NB	2022-2023	NQ số 13/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	4.000,000	3.000,000				3.000,000	3.000,000	3.000,000	
B.2.4	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									176.706,733	216.319,322	176.706,733	

Jh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 68/NQ-HĐND ngày 29/9/2021; NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP							
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Hỗ trợ đối ứng thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025												
A.2.5	Bổ trí vốn cho các dự án đầu tư công				226.499,000	111.499,000				176.706,733	216.319,322	176.706,733	
I	Y tế, dân số và gia đình				40.000,000	20.000,000				56.499,000	171.499,000	56.499,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				40.000,000	20.000,000				20.000,000	40.000,000	20.000,000	
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025									20.000,000	40.000,000	20.000,000	
	Dự án nhóm C												
1	Xử lý chất thải của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng	TPCB, HQ, QH, BLạc, BLâm, HL, NB, HA	2023-2025	QĐ số 2190/QĐ-UBND ngày 18/11/2021; NQ số 20/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	40.000,000	20.000,000				20.000,000	40.000,000	20.000,000	
II	Văn hóa, thông tin				60.000,000	60.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
II.1	Văn hóa				60.000,000	60.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				60.000,000	60.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
a	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025									5.000,000	5.000,000	5.000,000	
	Dự án nhóm B												
1	Trùng tu, tôn tạo các di tích gốc đầu nguồn Pác Bò thuộc khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bò, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	HQ	2025 - 2028	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	60.000,000	60.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				5.000,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				5.000,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
a	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025												
	Dự án nhóm C												
1	Mua sắm trang thiết bị Đoàn Nghệ thuật tỉnh Cao Bằng	TPCB	2023-2025	2247/QĐ-UBND ngày 22/11/2021; NQ số 19/NQ-HĐND ngày 25/5/2022	5.000,000	5.000,000				5.000,000	5.000,000	5.000,000	
IV	Các hoạt động kinh tế				121.499,000	26.499,000				26.499,000	121.499,000	26.499,000	
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				121.499,000	26.499,000				26.499,000	121.499,000	26.499,000	
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025				121.499,000	26.499,000				26.499,000	121.499,000	26.499,000	
	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025												
1	Dự án ổn định dân cư biên giới xóm Lũng Mẩn và cụm dân cư Lũng Pịa, xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	BLâm	2020-2022	1232/QĐ-UBND, ngày 15/7/2020	61.499,000	16.499,000				16.499,000	61.499,000	16.499,000	
2	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cao Bằng	Các huyện	2016-2022	2698/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021	60.000,000	10.000,000				10.000,000	60.000,000	10.000,000	

JH

Biểu số 06

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN TỪ CÁC NGUỒN THU HỢP PHÁP KHÁC GIAI ĐOẠN 2021-2025 (LẦN 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Theo NQ số 86/NQ-HĐND ngày 10/12/2021)		Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Giảm (-)	Tăng (+)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác								Vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
I	Điều chỉnh số vốn chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 86/NQ- HĐND ngày 10/12/2021							262.000,000	262.000,000					Trong phần vốn 262.000 triệu đồng chưa phân bổ chi tiết tại NQ số 86/NQ-HĐND chỉ thực hiện phân bổ chi tiết 49.100 triệu đồng (số vốn hỗ trợ từ Công ty cổ phần gang thép Cao Bằng), số vốn còn lại 212.900 triệu đồng thực hiện điều chỉnh giảm bằng 0 triệu đồng. Sau điều chỉnh, tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn từ các nguồn thu hợp pháp khác giảm từ 262.000 triệu đồng còn 49.100 triệu đồng
	Trong đó thực hiện phân bổ chi tiết				282.183,000	49.100,000				49.100,000	282.183,000	49.100,000		
(1)	Danh mục dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025				282.183,000	49.100,000				49.100,000	282.183,000	49.100,000		
a	Danh mục dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025													
	Dự án nhóm B													
1	Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án khai thác lộ thiên mỏ sắt Nà Rạ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	TP Cao Bằng	2022-2025	12/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh	282.183,000	49.100,000				49.100,000	282.183,000	49.100,000	Vốn hỗ trợ từ Công ty CP gang thép Cao Bằng để thực hiện GPMB của dự án	